TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 535/2019/DS-ST
Ngày: 18/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đỗ Thị A.

2/ Ông Vũ Ngọc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ 27 đường Thành Thái - Phường 14 Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thụ lý số 162/2019/TLST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2019/HPT-ST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* : Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở : đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông M (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn :* Bà C – sinh năm 1977(Vắng mặt).

Địa chỉ: Nhật Tảo, Phường 7, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng A, các bản khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Bà C có ký với Ngân hàng A Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 25,000,000 vnđ với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ Visa Parkson Số thẻ 464932 – 2039. Ngày ký hợp đồng 01/07/2010 Hạn mức 25,000,000 đồng.Lãi suất áp dụng 2.15 %.

Loại thẻ Visa Ladies First Số thẻ 486265 - 8284 Ngày ký hợp đồng 30/11/2010 Hạn mức 25,000,000 đồng. Lãi suất áp dụng 2.15 %.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 61.968.010 đồng (gồm thẻ 464932 – 2039 là 44.342.900 đồng, thẻ 486265 – 8284 là 17.625.110 đồng).

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà C phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 70.433.378 đồng. Cụ thể là: thẻ 464932 – 2039 là 53.038.766 đồng, thẻ 486265 – 8284 là 17.394.612 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/09/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 24.865.251 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do Bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu Bà C trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 18/11/2019 là 75,340,300 đồng. Cụ thể là:

Loại thẻ Visa Parkson Số thẻ 464932 – 2039. Nợ gốc14,159,769 đồng. Lãi quá hạn 28,805,485 đồng. Lãi suất áp dụng 3.225% (2.15%*150%).

Loại thẻ Visa Ladies First Số thẻ 486265 – 8284. Nợ gốc 10,705,482 đồng. Lãi quá hạn 21,669,564 đồng. Lãi suất áp dụng 3.225% (2.15%*150%).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà C, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng A yêu cầu:

Buộc bà C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/11/2019 là 75.340.300 (Bảy mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn ba trăm) đồng trong đó:

- Nợ gốc : 24.865.251 đồng
- Lãi quá hạn : 50.475.049 đồng

1. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện các thủ tục xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là việc Ngân hàng A cho bà C mở thẻ tín dụng để tiêu dùng, là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10. Theo qui định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng A có giấy ủy quyền cho ông M đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của ông M; tại phiên tòa ngày hôm nay, ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn- bà C, sinh năm 1977 có địa chỉ tại: Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không đến tòa. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về nội dung tranh chấp:

Bà C có ký với Ngân hàng A Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 25,000,000 vnđ với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ Visa Parkson Số thẻ 464932 – 2039. Ngày ký hợp đồng 01/07/2010 Hạn mức 25,000,000 đồng.Lãi suất áp dụng 2.15 %.

Loại thẻ Visa Ladies First Số thẻ 486265 - 8284 Ngày ký hợp đồng 30/11/2010 Hạn mức 25,000,000 đồng. Lãi suất áp dụng 2.15 %.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 61.968.010 đồng (gồm thẻ 464932 – 2039 là 44.342.900 đồng, thẻ 486265 – 8284 là 17.625.110 đồng).

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà C phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 70.433.378 đồng. Cụ thể là: thẻ 464932 – 2039 là 53.038.766 đồng, thẻ 486265 – 8284 là 17.394.612 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/09/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 24.865.251 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu bà C trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 18/11/2019 là 75,340,300 đồng. Cụ thể là:

Loại thẻ Visa Parkson Số thẻ 464932 – 2039. Nợ gốc14,159,769 đồng. Lãi quá hạn 28,805,485 đồng. Lãi suất áp dụng 3.225% (2.15%*150%).

Loại thẻ Visa Ladies First Số thẻ 486265 – 8284. Nợ gốc 10,705,482 đồng. Lãi quá hạn 21,669,564 đồng. Lãi suất áp dụng 3.225% (2.15%*150%).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà C, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng A yêu cầu:

Buộc bà C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/11/2019 là 75.340.300 (Bảy mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn ba trăm) đồng trong đó:

- Nợ gốc : 24.865.251 đồng
- Lãi quá hạn : 50.475.049 đồng

2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; còn theo qui định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Vì vậy Ngân hàng A yêu cầu tòa án xét xử, buộc bà C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/11/2019 là 75.340.300 (Bảy mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn ba trăm) đồng và bà Châu phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là phù hợp các quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 , Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 280, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1,5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà C phải thanh toán dứt điểm cho Ngân hàng A số tiền còn thiếu nợ tính đến ngày 18/11/2019 là 75.340.300 (Bảy mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, ba trăm) đồng và bà Châu phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 3.767.015 (ba triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, không trăm mười lăm) đồng, bà C chịu.

Ngân hàng A không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 1.431.102 đồng cho Ngân hàng A, theo biên lai thu số AA/2017/0040454 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 02, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Anh Tuấn